

Bản án số: 174/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25-6-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long

Ông Nguyễn Bình Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2025/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2025/QĐ-ST ngày 13/06/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh ngày 21/3/1995 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 024195009956

Nơi cư trú: tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

1. Bị đơn: Anh Phạm Khắc L, sinh ngày 06/10/1990 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 024090006816

Nơi cư trú: tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Anh L ủy quyền giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án cho anh Hoàng Văn V, sinh năm 1999; Nơi cư trú: thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang (không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị, anh Phạm Khắc L kết hôn trên tinh thần tự nguyện, hợp pháp với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 16/05/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y (nay là phường T, thành phố B), tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống với nhau, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng những năm đầu hạnh phúc, vợ chồng bảo nhau làm ăn. Do cuộc sống có nhiều khó khăn về kinh tế, anh L đi xuất khẩu lao động vào tháng 4/2024, kể từ đó vợ chồng sống ly thân nhau. Từ khi anh L đi nước ngoài, vợ chồng rất ít khi liên lạc với nhau, những lần liên lạc chỉ có cãi vã, mâu thuẫn bất đồng quan điểm nghiêm trọng. Sau đó anh L cũng cắt đứt hoàn toàn liên lạc với chị. Đến thời điểm hiện nay, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Khắc L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 05/02/2017 và cháu Phạm Tuấn Đ, sinh ngày 19/02/2015. Hiện nay cháu K, Đ đang sinh sống cùng chị. Sau ly hôn cháu K và cháu Đ đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ, chị đề nghị giao 02 con chung cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T trình bày: Do bận công việc nên chị đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra.

Tại bản tự khai đề ngày 20/5/2025 bị đơn anh Phạm Khắc L trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, hợp pháp và có đăng ký kết hôn ngày 16/05/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y (nay là phường T, thành phố B), tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống với nhau, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng những năm đầu hạnh phúc, vợ chồng bảo nhau làm ăn. Do cuộc sống có nhiều khó khăn về kinh tế, anh đi xuất khẩu lao động vào tháng 4/2024, kể từ đó vợ chồng sống ly thân nhau. Từ khi anh đi nước ngoài, vợ chồng rất ít khi liên lạc với nhau, những lần liên lạc chỉ có cãi vã, mâu thuẫn bất đồng quan điểm nghiêm trọng. Sau đó anh cũng cắt đứt hoàn toàn liên lạc với chị T, vợ chồng bỏ mặc nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Đến thời điểm hiện nay, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Lê Thị T.

Về con chung: Anh, chị T có 02 con chung là cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 05/02/2017 và cháu Phạm Tuấn Đ, sinh ngày 19/02/2015. Hiện nay cháu K, Đ đang sinh sống cùng chị T. Sau ly hôn cháu K và cháu Đ có nguyện vọng được ở cùng mẹ, anh cũng đề nghị giao cháu K và cháu Đ cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh và chị T tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: anh và chị T tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh L trình bày: Do bận công việc nên anh đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra. Anh ủy quyền cho anh Hoàng Văn V, sinh năm 1999; Nơi cư trú: thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang giao nhận các tài liệu với Tòa án. Anh đề nghị trưng cầu giám định chữ ký của anh tại bản tự khai để đảm bảo tính chính xác, khách quan toàn nội dung nêu trên là ý của anh đối với vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị T và anh đang được Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết.

Cháu Phạm Tuấn K, Phạm Tuấn Đ trình bày: Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng mẹ tại tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống được mẹ chăm sóc cẩn thận chu đáo. Nếu bố mẹ ly hôn các cháu muốn sinh sống cùng mẹ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Thị T, anh Phạm Khắc L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị T, anh L; đơn trình bày nguyện vọng của cháu K, Đ và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị T, bị đơn anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị T, anh L là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

Về hôn nhân: chị Lê Thị T được ly hôn anh Phạm Khắc L.

Về nuôi con chung: Giao Phạm Tuấn K, Phạm Tuấn Đ cho chị Lê Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung: Do chị T, anh L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu do anh L gửi từ nước ngoài đến Tòa án: Do bản tự khai của anh L gửi đến Tòa án không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài và theo yêu cầu của anh L đề nghị trưng cầu giám định dấu vân tay của anh tại bản tự khai.

Ngày 28/5/ 2025, Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định số 08/2025/QĐ-TCGD trưng cầu giám định đối với dấu vân tay của anh L trong bản tự khai gửi đến Tòa án.

Tại kết luận giám định số 1132/KL-KTHS ngày 13/06/2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh B kết luận: Dấu vân tay màu đỏ bên phải dưới mục “Người khai” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với dấu vân tay tại ô “Trở phải” trên bản sao Chỉ bản mang tên Phạm Khắc L, sinh ngày 06/10/1990 (ký hiệu M) do Phòng C về TTXH- Công an tỉnh B cung cấp là của cùng một người.

Dấu vân tay màu đỏ bên trái dưới mục “Người khai” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với dấu vân tay tại ô “Trở trái” trên bản sao Chỉ bản mang tên Phạm Khắc L, sinh ngày 06/10/1990 (ký hiệu M) do Phòng C về TTXH - Công an tỉnh B cung cấp là của cùng một người.

Từ kết luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu của anh L gửi đến Tòa án để giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Khắc L và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 8918/QLXNC- P3 ngày 22/04/2025 xác định anh Phạm Khắc L đã xuất cảnh ngày 29/04/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do đó, anh L được xác định đang cư trú ở nước ngoài, ngoài ra anh L là bị đơn có nơi thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Do vụ án có bị đơn ở nước ngoài, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị T, bị đơn anh Phạm Khắc L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh L.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Khắc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/05/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y (nay là phường T, thành phố B), tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị T xác định vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh L.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy: chị T, anh L đều có bản tự khai trình bày xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2024 đến nay. Hiện nay anh L đang ở nước ngoài vợ chồng không còn liên lạc với nhau, ai có cuộc sống của người đó, không quan tâm nhau. Chị T xin ly hôn, anh L đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử thấy vợ chồng anh L, chị T không còn tình cảm, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh L là phù hợp tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp quy định của pháp luật cũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị T, anh L có 02 con chung là cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 05/02/2017 và cháu Phạm Tuấn Đ, sinh ngày 19/02/2015. Hiện nay 02 con chung đang sinh sống cùng chị T. Ly hôn, chị T đề nghị giao 02 con chung cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L cũng đề nghị giao 02 con chung cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn. Cháu K, Đ có nguyện vọng được ở cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Xét yêu cầu của nuôi con chung của chị T sau ly hôn, Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay anh L đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, từ khi anh L đi nước ngoài cháu K, cháu Đ được chị T nuôi dưỡng, các cháu phát triển bình thường. Chị T, anh L đều có bản tự khai trình bày đề nghị giao 02 con chung cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Cháu K, Đ hiện đang sinh sống ổn định cùng mẹ và có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, để tránh xáo trộn trong cuộc sống, học tập, đảm bảo sự phát triển tốt nhất của cháu K, Đ. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận đề nghị của chị T và ý kiến của anh L, giao cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 05/02/2017 và cháu Phạm Tuấn Đ, sinh ngày 19/02/2015 cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền, lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của cháu K, cháu Đ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Sau khi ly hôn anh Phạm Khắc L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này theo quy định Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trường hợp anh Phạm Khắc L có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T, anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Do chị T, anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về chi phí giám định: do các đương sự tự thanh toán với cơ quan giám định và không yêu cầu giải quyết trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam, có quyền kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh L đang lao động tại nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Phạm Khắc L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 05/02/2017 và cháu Phạm Tuấn Đ, sinh ngày 19/02/2015 cho chị Lê Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Khắc L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005653 ngày 01/04/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Lê Thị T đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Phạm Khắc L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền